

Bản án số: 303/2017/HSST

Ngày: 28/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lý Ngọc Mạnh.

2/ Ông Trần Tuấn Việt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 233/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), giới tính: Nam, sinh năm: 1978, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 55/10 Đường P, Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 10/12. Con ông Đặng N và bà Nguyễn Thị L. Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 21/5/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trường Giáo dục và Giải quyết việc làm Số 01, sau đó đưa sang Trung tâm Cai nghiện ma túy Bô Lát; đến ngày 06/11/2015 chấp hành xong quyết định. Ngày 30/10/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 190/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy, thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 06/11/2015. Nhân thân: Ngày 08/10/1997, bị Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Cố ý gây thương tích và Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 02/4/1988, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 08/4/2000, chấp hành xong hình phạt tù, đến tháng 7/2003 chấp hành xong bản án. Ngày 05/9/2001, bị Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Cướp giật tài sản”. Ngày 16/01/2002, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong bản án ngày 05/01/2004. Ngày 02/4/2005, bị Công an quận Tân Bình, Thành phố

Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 25/7/2005, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 03 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/4/2008, chấp hành xong bản án tháng 8/2008. Ngày 28/7/2009, bị Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 07/9/2010, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong bản án ngày 28/01/2013.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/10/2016 (Có mặt).

2. Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), giới tính: Nam, sinh năm: 1988, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10/17 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 11/12. Con ông Lê Hồng A và bà Trương Thị Kim C. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 24/4/2006, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong bản án ngày 25/10/2007. Ngày 25/5/2010, thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản và “Cố ý gây thương tích”; ngày 16/12/2010, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm 06 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 04 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong bản án ngày 25/8/2014.

- Bị cáo bị bắt tạm giam theo quyết định truy nã ngày 11/4/2017. (Có mặt).

3. Cao Văn R, giới tính: Nam, sinh ngày 22/9/1992, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1358/34 Quang Trung, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 8/12. Con ông Cao Văn M và bà Bùi Thị Ngọc I. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 22/6/2009, có hành vi “Cướp tài sản”; ngày 31/7/2009, bị Công an Quận 8 bắt; đến ngày 03/8/2010, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 08 năm tù. Chấp hành xong bản án ngày 31/8/2013.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/10/2016 (Có mặt).

4. Trần Thị Mỹ D, giới tính: Nữ, sinh ngày 26/4/1997, tại: Tiền Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 385B Nguyễn V, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: Số 12A lô O, đường Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 7/12. Con ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị Thanh Y. Chồng: Không rõ. Con: Có 02 người con (sinh năm 2014 và 2017). Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người bị hại:

1. Ông: Nguyễn Minh A, sinh năm: 1984. Hộ khẩu thường trú: Số 24 Vườn Chuối, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số 123/98 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2. Anh: Nguyễn Văn G, sinh năm: 1988. Trú tại: Số 45/68/12 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

3. Bà: Ngô Thị Hồng L, sinh năm: 1984. Hộ khẩu thường trú: Số 150/20 Cư xá Phú Lâm A, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số 231D/7 Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông: J, sinh năm: 1977. Trú tại: Số 231D/7 Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2/ Bà: Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm: 1982. Trú tại: 67/8 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số 123/98 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người làm chứng:

Anh: Hu S (tên gọi khác: Đồ), sinh năm: 1997. Trú tại: Số 157/22/11/91B Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo: Đặng Ngọc V, Lê Trương Hồng H, Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền tiêu xài, nên Đặng Ngọc V, Lê Trương Hồng H, Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D đã cùng nhau thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 04 giờ, ngày 06/10/2016, V và R đang ở khách sạn G tại Quận 7 thì H gọi điện thoại rủ V và R cùng đi trộm cắp tài sản của người khác đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì V và R đồng ý. Thực hiện ý định trên, V, R và H hẹn gặp nhau tại khu vực cầu Kênh Sáng, phường 1, Quận 8. Sau đó, V điều khiển xe gắn máy hiệu AirBlade (không rõ biển số), R điều khiển xe gắn máy biển số 59P2-367.02 chở H đến trước nhà số 123/98 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8 thì H phát hiện chiếc xe gắn máy hiệu AirBlade, biển số 59F1-812.71 của anh Nguyễn Minh A dựng trước nhà, xe khóa cổ, không người trông coi, nên H kêu R và V đứng gần đó canh giới, còn H đi đến dùng đoạn bẻ khóa xe. Sau khi bẻ khóa xong, H kêu R vào dẫn xe ra ngoài. Sau đó, H điều khiển xe biển số 59P2-367.02 đẩy xe biển số 59F1-812.71 do R cầm lái về khách sạn ở Quận 7 (không rõ địa chỉ), còn V về khách sạn Giao Bảo Ngọc ở Quận 7. Đến sáng ngày 06/10/2016, H mang xe biển số 59F1-812.71 bán cho một người đàn ông tên Một (không rõ lai lịch) được 14.000.000 đồng, H đem chia đều mỗi người 4.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng mua ma túy cả ba sử dụng hết.

Ngày 11/10/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 kết luận: Trị giá chiếc xe AirBlade, biển số 59F1-812.71 là 35.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Minh A yêu cầu bồi thường trị giá chiếc xe bị mất là 35.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 06/10/2016, V điều khiển xe gắn máy AirBlade (không rõ biển số) chở R đến Phường 16, Quận 8 chơi bắn cá. Khi đến trước nhà số 43A Nguyễn Duy, Phường 16, Quận 8 thì V phát hiện chiếc xe gắn máy Honda Wave RS, biển số 63B7-118.01 của anh Nguyễn Văn G đang dựng trước nhà, không người trông coi, chìa khóa xe cắm sẵn trên xe, nên V nói R xuống xe lấy trộm xe gắn máy nêu trên thì R đồng ý. R xuống xe đến lấy trộm xe gắn máy biển số 63B7-118.01 nổ máy chạy đến đường Lê Hồng Phong, Quận 10 bán cho một người đàn ông tên Sấm (không rõ lai lịch) được 3.500.000 đồng, V và R mua ma túy sử dụng hết.

Ngày 11/10/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 kết luận: Trị giá xe gắn máy biển số 63B7-118.01 là 10.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn G yêu cầu bồi thường trị giá chiếc xe bị mất là 13.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 04 giờ, ngày 08/10/2016, V đang ở khách sạn Giao Bảo Ngọc tại Quận 7 thì H gọi điện thoại rủ đi trộm cắp tài sản của người khác đem bán lấy tiền tiêu xài, V đồng ý. Khi gặp nhau tại cầu Kênh Sáng, Phường 1, Quận 8, H điều khiển xe AirBlade (không rõ biển số) chở V đi đến trước nhà số 231D/7 Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8 thì phát hiện cửa rào khóa trong, bên trong sân nhà có dựng nhiều xe gắn máy, nên H nói V đứng gần đó làm nhiệm vụ canh giới. Lúc này, Trần Thị Mỹ D đi ngang qua, nên H và V kêu Duyên đứng canh giới để H và V vào sân nhà lấy trộm xe gắn máy thì Duyên đồng ý. Sau đó, H đến mở cửa rào, đột nhập vào sân nhà lần lượt lấy trộm chiếc xe gắn máy Wave màu đỏ, biển số 51K4-3559 của chị Ngô Thị Hồng L đem ra ngoài đưa cho Duyên giữ rồi H quay vào tiếp tục lấy chiếc xe gắn máy Wave màu đen, biển số 54T1-3778 cũng của chị Ngô Thị Hồng L. Sau đó, V điều khiển xe AirBlade trên, Duyên điều khiển xe biển số 51K4-3559, còn H điều khiển xe Wave, màu đen 54T1-3778 ra đầu đường Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8 thì Duyên thấy Husenh (bạn của Duyên) nên kêu Husenh lên xe Duyên chở rồi tất cả chạy đến tiệm bán cá tại số 41/2 Phú Định, Phường 16, Quận 8. Tại đây, V đưa 1.000.000 đồng cho Duyên, là tiền công Duyên làm nhiệm vụ canh giới, rồi Duyên và Husenh đi về. Khoảng 07 giờ ngày 08/10/2016, tại tiệm bán cá trên, H bán 02 chiếc xe Wave trên cho hai nam thanh niên (không rõ lai lịch) được 8.300.000 đồng, H và V chia đều mỗi người 3.650.000 đồng tiêu xài hết.

Ngày 11/10/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 kết luận: Trị giá 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số: 51K4-3559 là 7.000.000 đồng và 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 54T1-3778 là 7.000.000 đồng. Tổng trị giá hai xe gắn máy trên là 14.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Ngô Thị Hồng L yêu cầu bồi thường tổng trị giá hai chiếc xe bị mất trộm là 14.000.000 đồng.

Ngày 13/10/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 8 ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đặng Ngọc V, Lê Trương Hồng H, Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với V, H, R và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Thị Mỹ D (do Duyên đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi). Ngày 14/10/2016, Cơ quan điều tra bắt bị can để tạm giam đối với V và R, ngày 11/4/2017, Cơ quan điều tra bắt bị can để tạm giam đối với H.

Tại Cơ quan điều tra, H, V, R và Duyên khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng:

- 01 (một) xe gắn máy biển số 59P2-367.02, qua xác minh do anh Nguyễn Thanh Châu đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 01/10/2016, Đặng Ngọc V mượn xe trên, sau đó làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, anh Châu không biết. Cơ quan điều tra đã lập biên bản trao trả chiếc xe trên cho anh Châu.

- 01 (một) thanh kim loại hình chữ L, 03 (ba) thanh kim loại hình lục giác, 01 (một) thanh kim loại từ màu vàng; là dụng cụ của bị cáo Đặng Ngọc V dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 228/CT-VKS ngày 05/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố:

- Bị cáo Đặng Ngọc V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

- Các bị cáo: Lê Trương Hồng H, Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo: Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D; đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt:

1/ Bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), mức án từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, điểm e Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

2/ Bị cáo Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

3/ Bị cáo Cao Văn R mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

4/ Bị cáo Trần Thị Mỹ D mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 138; điểm l, điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 47 và Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật và buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản theo yêu cầu của những người bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D đã khai nhận:

Do cần có tiền tiêu xài, các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của những người bị hại trên địa bàn Quận 8, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 04 giờ, ngày 06/10/2016, V và R đang ở khách sạn Giao Bảo Ngọc tại Quận 7 thì H gọi điện thoại rủ V và R cùng đi trộm cắp tài sản của người khác đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì V và R đồng ý. Thực hiện ý định trên, V, R và H hẹn gặp nhau tại khu vực cầu Kênh Sáng, phường 1, Quận 8. Sau đó, V điều khiển xe gắn máy hiệu AirBlade (không rõ biển số), R điều khiển xe gắn máy biển số 59P2-367.02 chở H đến trước nhà số 123/98 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8 thì H phát hiện chiếc xe gắn máy hiệu AirBlade, biển số 59F1-812.71 của anh Nguyễn Minh A dựng trước nhà, xe khóa cò, không người trông coi, nên H kêu R và V đứng gần đó canh giới, còn H đi đến dùng đoạn bẻ khóa xe. Sau khi bẻ khóa xong, H kêu R vào dẫn xe ra ngoài. Sau đó, H điều khiển xe biển số 59P2-367.02 đẩy xe biển số 59F1-812.71 do R cầm lái về khách sạn ở Quận 7 (không rõ địa chỉ), còn V về khách sạn Giao Bảo Ngọc ở Quận 7.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 06/10/2016, V điều khiển xe gắn máy AirBlade (không rõ biển số) chở R đến Phường 16, Quận 8 chơi bắn cá. Khi đến trước nhà số 43A Nguyễn Duy, Phường 16, Quận 8 thì V phát hiện chiếc xe gắn máy Honda Wave RS, biển số 63B7-118.01 của anh Nguyễn Văn G đang dựng trước nhà, không người trông coi, chìa khóa xe cắm sẵn trên xe, nên V nói R xuống xe lấy trộm xe gắn máy nêu trên thì R đồng ý. R xuống xe đến lấy trộm xe gắn máy biển số 63B7-118.01 nổ máy rời khỏi hiện trường.

Vụ thứ ba: Khoảng 04 giờ, ngày 08/10/2016, V đang ở khách sạn Giao Bảo Ngọc tại Quận 7 thì H gọi điện thoại rủ đi trộm cắp tài sản của người khác đem bán lấy tiền tiêu xài, V đồng ý. Khi gặp nhau tại cầu Kênh Săng, Phường 1, Quận 8, H điều khiển xe AirBlade (không rõ biển số) chở V đi đến trước nhà số 231D/7 Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8 thì phát hiện cửa rào khóa trong, bên trong sân nhà có dựng nhiều xe gắn máy, nên H nói V đứng gần đó làm nhiệm vụ canh giới. Lúc này, Trần Thị Mỹ D đi ngang qua, nên H và V kêu Duyên đứng canh giới để H và V vào sân nhà lấy trộm xe gắn máy thì Duyên đồng ý. Sau đó, H đến mở cửa rào, đột nhập vào sân nhà lần lượt lấy trộm chiếc xe gắn máy Wave màu đỏ, biển số 51K4-3559 của chị Ngô Thị Hồng L đem ra ngoài đưa cho Duyên giữ rồi H quay vào tiếp tục lấy chiếc xe gắn máy Wave màu đen, biển số 54T1-3778 cũng của chị Ngô Thị Hồng L. Sau đó, V điều khiển xe AirBlade trên, Duyên điều khiển xe biển số 51K4-3559, còn H điều khiển xe Wave, màu đen 54T1-3778 ra đầu đường Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8 thì Duyên thấy Husenh (bạn của Duyên) nên kêu Husenh lên xe Duyên chở rồi tất cả chạy đến tiệm bắn cá tại số 41/2 Phú Định, Phường 16, Quận 8.

Xét lời khai nhận của các bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D phù hợp với: Biên bản tiếp nhận tố giác tin báo về tội phạm; biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật; biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản nhận dạng; biên bản xác định địa điểm; biên bản đối chất; lời khai của (người bị hại, người làm chứng) cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản mà các bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D chiếm đoạt, qua định giá xác định như sau:

- Trị giá 01 chiếc xe AirBlade, biển số 59F1-812.71 là 35.000.000 đồng.
- R giá 01 chiếc xe gắn máy, biển số 63B7-118.01 là 10.000.000 đồng.
- Trị giá 01 chiếc xe gắn máy, hiệu Honda Wave, biển số: 51K4-3559 là 7.000.000 đồng và 01 chiếc xe gắn máy, hiệu Honda Wave, biển số 54T1-3778 là 7.000.000 đồng.

Như vậy, với hành vi phạm tội và trị giá tài sản bị chiếm đoạt; đã có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự an xã hội tại địa phương. Các bị cáo có khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng với động cơ vụ lợi bất chính, muốn có tiền tiêu xài, nhưng lại lười lao động, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên phiên tòa, có cơ sở xác định đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, nên không thuộc trường hợp đồng phạm có sự tổ chức.

Xét vai trò tham gia của từng bị cáo trong vụ án: Trong vụ án, vai trò của bị cáo H và V là nguy hiểm hơn bị cáo R và Duyên (trong 02 vụ chiếm đoạt tài sản thì H là người rủ rê, chuẩn bị trước công cụ phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và sau khi chiếm đoạt được tài sản đem tiêu thụ tài sản; trong 03 vụ chiếm đoạt tài sản thì có vụ V là người rủ rê, chuẩn bị trước công cụ phạm tội, có vụ giữ vai trò giúp sức (cảnh giới) và sau khi chiếm đoạt được tài sản đem tiêu thụ tài sản); bị cáo R và Duyên với vai trò đồng phạm giúp sức, cảnh giới. Vì vậy, khi quyết định hình phạt sẽ cân nhắc về vai trò đồng phạm và mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét: Bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng) đã tham gia 03 vụ chiếm đoạt tài sản, tổng trị giá tài sản là 59.000.000 đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng), đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt, được quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Các bị cáo còn lại tham gia chiếm đoạt tài sản có trị giá dưới 50.000.000 đồng.

Vì vậy, bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng) sẽ bị xét xử theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các bị cáo Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R, Trần Thị Mỹ D sẽ bị xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đồng thời, bị cáo V liên tục thực hiện 03 (ba) vụ chiếm đoạt tài sản, bị cáo H liên tục thực hiện 02 (hai) vụ chiếm đoạt tài sản, bị cáo R liên tục thực hiện 02 (hai) vụ chiếm đoạt tài sản (chỉ trong thời gian ngắn từ tháng 06/10/2016 đến tháng 08/10/2016); trong đó, mỗi vụ chiếm đoạt tài sản đều trên 2.000.000 đồng; có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm, chưa bị xử lý và còn trong thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; nên trong lần phạm tội này của các bị cáo V, H, R là phạm tội nhiều lần. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Riêng bị cáo V có 01 (một) tiền sự và chưa được xóa, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên cần lưu ý khi lượng hình.

Ngoài ra, bản thân các bị cáo: V, H, R có quá trình nhân thân xấu, mặc dù các bị cáo đã được xóa án tích (theo quy định có lợi của Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự năm 2015); lẽ ra, các bị cáo pH biết sửa chữa, tu dưỡng, rèn luyện để phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội; nhưng do tham lam, vụ lợi bất chính, lười lao động; các bị cáo đã tiếp tục thực hiện hành vi phạm phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật.

Đối với bị cáo H sau khi phạm tội bỏ trốn, sau đó bị bắt theo quyết định truy nã, đã gây khó khăn trong quá trình điều tra; nên cũng cần lưu ý khi quyết định hình phạt.

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra pH nghiêm; cần có một khoảng thời gian nhất định cách ly xã hội mới có tác dụng dè dặt, giáo dục các bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo Duyên phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội là phụ nữ có thai. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm: h, l, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) mà lẽ ra các bị cáo pH chịu.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và truy tố các bị cáo Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R, Trần Thị Mỹ D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, truy tố các bị cáo: Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R, Trần Thị Mỹ D theo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là không có cơ sở pháp luật vững chắc như Hội đồng xét xử đã phân tích như trên.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một số tiền nhất định từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, nhưng xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử miễn phần hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong giai đoạn điều tra, phía những người bị hại có yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá tài sản bị chiếm đoạt, không thu hồi được, cụ thể là:

- Anh Nguyễn Minh A yêu cầu bồi thường trị giá chiếc xe AirBlade, biển số 59F1-812.71 là 35.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn G yêu cầu bồi thường trị giá chiếc xe gắn máy, biển số 63B7-118.01 là 13.000.000 đồng.

- Chị Ngô Thị Hồng L yêu cầu bồi thường tổng trị giá hai chiếc xe (01 chiếc xe gắn máy, hiệu Honda Wave, biển số: 51K4-3559 và 01 chiếc xe gắn máy, hiệu Honda Wave, biển số 54T1-3778) là 14.000.000 đồng.

Các bị cáo đồng ý chịu trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản đã chiếm đoạt (không thu hồi được) theo yêu cầu của những người bị hại và mỗi bị cáo thực hiện bồi thường theo tỷ lệ chia đều đối với từng vụ chiếm đoạt tài sản. Riêng đối với bị cáo Duyên đồng ý bồi thường số tiền đã được hưởng. Cụ thể như sau:

- Các bị cáo: H, V, R cùng liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Minh A, mỗi bị cáo số tiền là $35.000.000 \text{ đồng} / 3 = 11.667.000 \text{ đồng}$;

- Các bị cáo: V, R cùng liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn G, mỗi bị cáo số tiền là $13.000.000 \text{ đồng} / 2 = 6.500.000 \text{ đồng}$;

- Bị cáo Duyên bồi thường cho bà Ngô Thị Hồng L số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo H và bị cáo V cùng liên đới bồi thường cho bà Ngô Thị Hồng L, mỗi bị cáo số tiền là $13.000.000 \text{ đồng} / 2 = 6.500.000 \text{ đồng}$ ($14.000.000 \text{ đồng} - 1.000.000 \text{ đồng}$ (phần bị cáo Duyên bồi thường cho chị Lan = 13.000.000 đồng)).

Tổng cộng, bị cáo V bồi thường số tiền là 24.667.000 đồng.

Tổng cộng, bị cáo H bồi thường số tiền là 18.167.000 đồng.

Tổng cộng, bị cáo R bồi thường số tiền là 18.167.000 đồng.

Bị cáo Duyên bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng.

Các bị cáo thực hiện việc bồi thường một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về vật chứng:

+ Các tài sản bị chiếm đoạt, cũng như phương tiện, dụng cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không thu hồi được; nên không có cơ sở xem xét xử lý.

+ Chiếc xe biển số 59P2-367.02, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 ổ khóa Shanghai China HL406, hiện không còn giá trị sử dụng và người bị hại không có yêu cầu nhận lại; nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 thanh kim loại hình chữ L, 03 thanh kim loại hình lục giác, 01 thanh kim loại từ màu vàng; là những dụng cụ dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với các đối tượng đã mua các tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, do không xác định được lai lịch; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở để xử lý.

Đối với Husenh không biết và không tham gia trộm cắp tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không đưa vào diện xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 138, điểm g Khoản 1 Điều 48, điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

+ Xử phạt: Bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 14/10/2016.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138, điểm g Khoản 1 Điều 48, điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 11/4/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138, điểm g Khoản 1 Điều 48, điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

+ Xử phạt: Bị cáo Cao Văn R 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 14/10/2016.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138, các điểm: h, l, p Khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Mỹ D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn phần hình phạt bổ sung cho bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D.

- Về vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ổ khóa Shanghai China HL406 cùng 01 (một) thanh kim loại hình chữ L, 03 (ba) thanh kim loại hình lục giác, 01 (một) thanh kim loại từ màu vàng.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 76/PNK ngày 17/3/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công Quận 8, TP.HCM).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điều: 584, 585, 586, 589, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

- Buộc bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng) bồi thường thiệt hại về tài sản (không thu hồi được) cho:

+ Ông Nguyễn Minh A số tiền là 11.667.000 (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng;

+ Anh Nguyễn Văn G số tiền là 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm ngàn) đồng;

+ Bà Ngô Thị Hồng L số tiền là 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Tổng cộng thực hiện bồi thường số tiền là 24.667.000 (Hai mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Trần Thị Mỹ D bồi thường thiệt hại về tài sản (không thu hồi được) cho bà Ngô Thị Hồng L số tiền là 1.000.000 (Một triệu) đồng.

- Buộc bị cáo Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát) bồi thường thiệt hại về tài sản (không thu hồi được) cho:

+ Ông Nguyễn Minh A số tiền là 11.667.000 (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng;

+ Bà Ngô Thị Hồng L số tiền là 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Tổng cộng thực hiện bồi thường số tiền là 18.167.000 (Mười tám triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Cao Văn R bồi thường thiệt hại về tài sản (không thu hồi được) cho:

+ Ông Nguyễn Minh A số tiền là 11.667.000 (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng;

+ Anh Nguyễn Văn G số tiền là 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm ngàn) đồng;

Tổng cộng thực hiện bồi thường số tiền là 18.167.000 (Mười tám triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Buộc các bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng), Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát), Cao Văn R và Trần Thị Mỹ D; mỗi bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

+ Buộc bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng) pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.233.350 (Một triệu hai trăm ba mươi ba ngàn ba trăm năm mươi) đồng.

+ Buộc bị cáo Lê Trương Hồng H (tên gọi khác: Phát) pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 908.350 (Chín trăm linh tám ngàn ba trăm năm mươi) đồng.

+ Buộc bị cáo Cao Văn R pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 908.350 (Chín trăm linh tám ngàn ba trăm năm mươi) đồng.

+ Buộc bị cáo Trần Thị Mỹ D pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức như trên), cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản; hàng tháng bên pH thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- PC.53;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Đội CSBV&HTTP, NTG CA Q.8;
- Đội CSĐT THCA Q.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng TrúC